

LUẬN CÂU XÁ TỤNG SỐ BỐN

QUYỂN 24

1. Nói về Nhất lai hương, Nhất lai quả:

Từ thứ hai này, nói về hương nhất lai quả Nhất lai. Luận chép: Đã nói về trụ quả chưa dứt tu hoặc, gọi là Dự lưu, sinh lại nhiều nhất bảy lần, nay kể nói về các Thánh ở giai vị đoạn. Phải lập ra hương Nhất lai, quả Nhất lai.

Tụng rằng:

Dứt ba, bốn phẩm Dực

Ba, hai sinh gia gia

Dứt đến năm, hai hương

Dứt sáu, quả Nhất lai.

Giải thích: Hai câu đầu nói về Gia gia, hai câu sau nói về hương quả, tức là bậc Thánh Dự lưu tiến đến dứt tu hoặc. Nếu đủ ba duyên, chuyển gọi là Gia gia. 1. Do dứt hoặc, dứt, ba phẩm, bốn phẩm tu hoặc cõi Dực. 2. Do căn thành tựu có thể đối trị được căn vô lậu kia. 3. Do thọ sinh, lại thọ ba, hai lần sinh cõi Dực. Trong bài tụng chỉ nói hai duyên đầu và cuối không nói căn thành tựu. Sau quả dự lưu tiến lên dứt tu hoặc. Các căn vô lậu lý tất nhiên phải có, nghĩa y theo đã thành, nên bài tụng không nói.

Nói dứt ba phẩm, bốn phẩm, thọ hai, ba lần sinh: Nếu dứt ba phẩm gọi là thọ sinh ba lần, nếu dứt bốn phẩm gọi là thọ sinh hai lần. Nghĩa là chín phẩm hoặc tươi nhuận khắp bảy lần sinh. Thượng thượng phẩm thấm nhuận hai lần sinh, phẩm thượng trung, phẩm thượng hạ, phẩm, trung thượng mỗi phẩm thấm nhuận một lần sinh hoặc của ba phẩm hạ cùng thấm nhuận một lần sinh. Ba phẩm thượng có thể thấm nhuận bốn lần sinh, cho nên dứt ba phẩm thượng bốn lần sinh liền tổn giảm gọi là thọ ba lần sinh, đã nói phẩm trung thượng thấm nhuận một lần sinh, nên dứt phẩm trung thượng, lại tổn giảm một lần sinh. Trước dứt ba phẩm đã tổn giảm bốn lần sinh, nay dứt phẩm trung thượng lại tổn giảm một lần sinh, vì vậy dứt bốn phẩm, tất cả giảm năm lần sinh, thọ hai lần sinh.

Hỏi: vì sao không dứt một phẩm, hai phẩm, năm phẩm mà gọi là Gia gia?

Đáp: chắc chắn không có dứt một phẩm, hai phẩm, không dứt ba phẩm; trung gian tử sinh không dứt năm phẩm, không dứt sáu phẩm mà có tử sinh. Nghĩa là do bậc Thánh đắc Sơ quả rồi, dứt tu hoặc cõi Dục khởi đại gia hạnh, chắc chắn không có chưa dứt một đại phẩm kiết (ba phẩm gọi là một đại phẩm). Vì có tử sinh, nên dứt một phẩm, hai phẩm, chắc chắn dứt ba phẩm. Dứt phẩm thứ năm chắc chắn dứt phẩm thứ sáu: nghĩa là dứt phẩm thứ sáu chứng quả Nhất lai, vì không khi nào một phẩm mà có thể làm ngăn ngại sự đắc quả, vì vậy dứt năm phẩm, chắc chắn dứt phẩm thứ sáu.

Hỏi: Nếu có một phẩm có thể ngăn ngại sự đắc quả, vì sao dứt phẩm thứ tám, không dứt phẩm thứ chín, có tử sinh hay sao?

Đáp: Vì dứt phẩm thứ chín. 1. Đắc quả: là đắc quả thứ ba. 2. Vượt cõi: là vượt khỏi cõi Dục. Do vượt qua cõi Dục, hoặc cửa phẩm thứ chín, ngăn ngại quả Bất hoàn. Dứt phẩm thứ sáu, tuy đắc quả ngay nhưng không vượt cõi, cho nên một phẩm này không thể ngăn ngại quả, nên biết có hai thứ Gia gia. 1. Thiên gia gia: Nghĩa là ở sáu tầng trời cõi Dục sinh ba gia, hai gia rồi chứng viên tịch, hoặc ở tầng trời thứ nhất, hoặc ở tầng trời thứ hai, hoặc ở tầng trời thứ ba thọ sinh ba lần, hai lần. 2. Nhân gia gia: Nghĩa là ở cõi người, sinh ba nhà, hai nhà rồi chứng viên tịch, hoặc ở châu thứ nhất, hoặc châu thứ hai, hoặc châu thứ ba rồi chứng viên tịch.

Nếu Thiên gia gia thì ba lần sinh cõi trời, hai lần sinh cõi người; hai lần sinh cõi trời, một lần sinh cõi người; Thiên gia gia này đắc đạo ở cõi người. Nếu Nhân gia gia thì ba lần sinh ở cõi người, hai lần sinh ở cõi trời, hai lần sinh cõi người, một lần sinh cõi trời. Nhân gia gia này đắc đạo ở cõi trời.

Thiên gia gia: Ba lần sinh cõi trời, hai lần sinh cõi người: nghĩa là ở cõi người được thấy đạo rồi, dứt ba phẩm hoặc từ đó qua đời, rồi sinh cõi trời, chịu một lần sinh, lại chết ở cõi trời sinh xuống lại cõi người, chịu một lần sinh cõi người. Lại từ cõi người sinh lên tầng trời, chịu một lần sinh cõi trời, và một lần sinh trước gọi là hai lần sinh. Lại chết ở cõi trời, sinh lại trong nhân gian, chịu một lần sinh ở cõi người và một lần sinh trước, gọi là hai lần sinh cõi người. Lại chết ở cõi người sinh lên tầng trời, lại thọ một lần sinh, và hai lần sinh trước, gọi là ba lần sinh cõi trời. Cho nên nói ba lần sinh cõi trời, hai lần sinh cõi người. Ở lần sinh thứ ba dứt hết phiền não, chứng A-la-hán. Ba lần sinh cõi trời đã

vậy, hai lần sinh cõi trời, hai lần sinh cõi người, và nhân gia gia ba lần sinh cõi trời, hai lần sinh cõi trời, hai lần sinh cõi người một lần sinh cõi trời nói y theo trước. Dứt đến năm hưởng, hai hưởng, nghĩa là quả Dự lưu, tiến đến dứt một phẩm tu hoặc của cõi Dục cho đến năm phẩm, gọi là hưởng nhất lai, hưởng đến quả nhất lai. Dứt sáu phẩm quả Nhất lai: nếu dứt sáu phẩm thành tựu quả Nhất lai, người kia một lần sinh cõi trời, một lần sinh cõi người mà nhập Niết-bàn, gọi là quả nhất lai, ở đây cũng gọi làm mỏng tham-sân-si. Đã dứt sáu phẩm thượng, trung, vẫn còn nặng tham-sân-si, chỉ có ba phẩm hạ mới làm mỏng tham-sân-si.

2. Nói về Hưởng Bất hoàn quả Bất hoàn:

Từ phần thứ ba này, nói về hưởng Hưởng bất hoàn, quả bất hoàn. Trong phần này có hai: 1. Nói quả Hưởng bất hoàn; 2. Nói về sự khác nhau của quả Bất hoàn.

Nay là phần đầu. Luận chép: Đã nói về sự khác nhau của hưởng Nhất lai quả Nhất lai, kế sẽ lập ra quả hưởng bất hoàn.

Tụng rằng:

*Dứt bảy hoặc tám phẩm.
Một sinh gọi Nhất gián
Đây là hưởng thứ ba
Dứt chín, quả Bất Hoàn.*

Giải thích: Hai câu đầu nói về Nhất gián, hai câu sau nói về hưởng, quả; đó là Nhất lai tiến đến dứt các hoặc khác, nếu ba duyên đủ, chuyển sang gọi là Nhất gián. 1. Do dứt hoặc, dứt bảy phẩm tám phẩm tu hoặc cõi Dục; 2. Do thành tựu căn có thể đối trị được hoặc của phẩm thứ bảy, thứ tám, vì là căn vô lậu; 3. Do thọ sinh, lại thọ một lần sinh còn lại ở cõi Dục. Cho nên trong bài tụng chỉ nói hai duyên đầu và cuối, không nói thành tựu căn nghĩa như trước đã giải thích.

Hỏi: Một phẩm hoặc thứ chín chướng ngại đắc quả Bất hoàn như thế nào?

Đáp: Dứt phẩm thứ chín vượt khỏi cõi Dục. Trước nói nghiệp ba thời bị chướng ngại ở giữa, nghiệp của cõi Dục chướng ngại Bất hoàn. Nên biết phiền não cũng đồng với nghiệp. Nghĩa là đắc Bất hoàn, vượt khỏi hoặc của phẩm thứ chín, quả đẳng lưu và địa dị thực. Vì vậy một phẩm hoặc, chướng ngại đắc quả Bất hoàn.

Nói Nhất gián: gián là ngăn cách, vì có một lần sinh bị ngăn cách, nên không chứng viên tịch, hoặc có một phẩm hoặc ngăn cách nên không đắc quả Bất Hoàn. Do hai nghĩa này mà gọi là Nhất gián. Ở đây là hưởng thứ ba: tức là ở đây dứt hoặc của phẩm thứ bảy, tám, gọi là

hướng bất hoàn cho đến Quả bất hoàn. Dứt phẩm thứ chín đắc quả bất hoàn, chắc chắn không sinh lại cõi Dục.

3. Nói về quả vị khác nhau:

Từ phần thứ hai này, là nói về quả vị khác nhau, trong đây có bảy phần: 1. Nói về bảy dứt Bất hoàn; 2. Nói về chín thứ Bất hoàn; 3. Nói về bảy đường thiện sĩ; 4. Nói về không sinh cõi trên; 5. Nói về tạp tu tinh lự; 6. Nói về Tịnh cư chỉ có năm; 7. Nói về thân chứng Bất hoàn.

- Nói về bảy dứt Bất hoàn: Luận chép: Nay tiếp theo sẽ nói về sự khác nhau giữa bảy dứt.

Tụng rằng:

*Trong đây sinh hữu hành
Vô hành nhập Niết-bàn
Thượng lưu nếu tạp tu Sẽ
trụ Sắc Cứu Cánh.
Siêu, Bán siêu, biến một
Còn lại đến hữu đảnh,
Hành Vô Sắc có bốn
Trụ nhập Niết-bàn này.*

Giải thích: Đây là bất hoàn này, nói chung có bảy dứt:

1) Trung bát: nghĩa là bậc Thánh sau khi chết ở cõi Dục, chưa sinh cõi Sắc, ở trong trung hữu, nhập Niết-bàn.

2) Sinh bát: Bậc Thánh sinh lên cõi Sắc rồi, nhập Niết-bàn ở đây đầy đủ hai đạo siêng tu và tốc tiến.

3) Hữu hành bát: Bậc Thánh sinh lên cõi Sắc rồi, qua thời gian lâu dài gia hạnh siêng tu mới nhập Niết-bàn. Ở đây có hạnh siêng tu, không mau tiến đạo.

4) Vô hành bát: nghĩa là Thánh giới sinh ở cõi Sắc, trong thời gian rất lâu, không có gia hạnh tu hành, không có công dụng, tự nhiên nhập Niết-bàn. Ở đây hai đạo siêng tu, và tốc tiến đều không. Lại, Kinh bộ giải thích luận chủ chấp nhận điều đó. Vì thế luận chép: Trong khế kinh trước nói vô hành, sau nói hữu hành, thứ lớp như thế tương ứng với lý. Có đạo tốc tiến, không do công dụng mà nhập Niết-bàn, gọi là Vô hành. Không có đạo tốc tiến tu hành, có công dụng tu hành mà bất biết bàn, gọi là Hữu hành

5) Nói thượng lưu: Là nghĩa thượng hành. Nghĩa là ở cõi Sắc phải chuyển sinh lên cõi trên, mới nhập Niết-bàn.

Thượng lưu có hai: 1. Có khi lẫn lộn với tu tập tức lạc tuệ; 2. có khi tu tập lẫn lộn tức là lạc định. Nếu tạp tu thì sinh cõi trời Sắc Cứu Cánh,

nếu không tạp tu thì sẽ đến cõi trời Hữu Đảnh.

Bài tụng chép: Còn lại đến Hữu Đảnh; dư là không tạp tu. Trong tạp tu lại có ba thứ: 1. Toàn siêu; 2. Bán siêu; 3. Biến một. Nay dựa vào mười sáu tầng trời của cõi Sắc để nói về ba thứ này.

Toàn siêu: nghĩa là ở cõi Dục, đối với Thiên thứ tư đã có đủ tạp tu, gặp duyên lui sụt ba thiên trên chỉ còn Sơ thiên. Qua đời ở đây sinh lên tầng trời Phạm Chúng. Do năng lực tu tập trước kia lại có thể tạp tu thiên thứ tư, chết ở trời Phạm Chúng sinh lên trời Sắc Cứu Cánh, vượt qua trung gian nhanh chóng, nên gọi là Toàn siêu.

Bán siêu: Từ tầng trời Phạm Chúng sinh lên tầng trời Sắc Cứu Cánh, trung gian có mười bốn tầng trời, thứ lớp dần dần thọ sinh, hoặc vượt qua một tầng trời, sau đó sinh lên trời Sắc Cứu Cánh, hoặc vượt qua hai tầng trời, sau đó sinh lên trời Sắc Cứu Cánh, cho đến hoặc vượt qua mười ba tầng trời sau đó sinh lên trời Sắc Cứu Cánh, đều gọi là Bán siêu. Vượt qua chưa hoàn toàn đều gọi là Bán siêu. Vượt qua một tầng trời chịu mười lăm lần sinh, vượt qua hai tầng trời chịu mười bốn lần sinh, trung gian nhiều ít như lý mà suy nghĩ. Bậc Thánh chắc chắn không sinh lên tầng trời Đại Phạm, vì cho rằng Đại phạm nói tà mạng sinh ở thế gian là giới cấm thủ, vì ít thấy điều này.

Biến một: Trong mười sáu tầng trời, đều thọ sinh khắp, nên gọi là biến một. Không tạp tu thì sinh khắp cõi Sắc, chỉ không thể đến năm tầng trời Tịnh cư. Ở trời Quảng Quả chết vãng sinh cõi Vô Sắc, sau sinh lên trời Hữu Đảnh, mới nhập Niết-bàn. Vì vậy trong cõi Sắc, mười một tầng trời dưới lạc định lạc tuệ đều được thọ sinh lên tầng trời Quảng quả, lại chia làm hai đường. Nếu là lạc tuệ thì sinh lên năm tầng trời tịnh cư, nếu lạc định thì sinh lên cõi Vô Sắc. Năm thứ này gọi là hành cõi Sắc. Lạc định Na-hàm tuy sanh cõi Vô Sắc, trải qua sinh cõi Sắc là thuộc cõi Sắc.

6) Hành Vô Sắc: Khác nhau có bốn, chỉ trừ trung ban vì không có trung hữu. Từ cõi Dục chết sinh thẳng lên cõi Sắc. Có bốn loại Na-hàm như sinh ban v.v... Đây gọi chung là Na-hàm Vô Sắc loại này với năm thứ trước thành sáu thứ. Hoặc có bậc Thánh không sinh cõi Sắc, cõi Vô Sắc, chỉ có cõi Dục đắc nhập Niết-bàn gọi là hiện ban Na-hàm ở thân hiện tại đắc Niết-bàn. Bài tụng chép: Trụ đây nhập Niết-bàn tức là trụ ở cõi Dục này, gọi là hiện bát. Loại này và sáu thứ trước thành bảy dứt bất hoàn.

4. Nói về chín loại Bất hoàn.

Từ phần thứ hai này, nói chín thứ Bất hoàn. Luận chép: Trong

năm thứ Bất hoàn hành cội Sắc lại có môn khác, nói lên sự khác nhau của nó. Tụng rằng: Hành cội Sắc có chín, là ba đều chia ba, nghiệp hoặc căn có khác, nên thành ba, chín khác.

Giải thích: Hành ở cội Sắc, năm thứ A-hàm, chia thành chín thứ, lại gồm có ba: 1. Trung ban; 2. Sanh ba; 3. Thượng lưu ba. Hữu hành vô hành đều từ sắc sanh rồi, đắc nhập Niết-bàn, đều thuộc về Sanh bát. Ba này đều có ba, nên thành chín thứ. trung bát có ba: 1. Tốc bát. 2. Phi tốc bát. 3. Kinh cửu bát. Do ba sao hỏa dụ cho sở hiển. Sanh bát có ba: 1. Sanh bát: Y theo tốc lập, 2. Hữu hành bát y theo phi tốc mà lập, 3. Vô hành bát y theo kinh cửu mà lập. Thượng lưu có ba: 1. Toàn siêu y theo tốc lập, 2. Bán siêu y theo phi tốc lập, 3. Biến một y theo Kinh cửu mà lập. Nhưng ba thứ trên và chín thứ đều do tốc, phi tốc, kinh cửu nhập Niết-bàn, cho nên đối nhau, không có lỗi lẫn lộn. Ba thứ này và chín thứ đều do căn hoặc nghiệp mà có khác nhau, có tốc phi tốc, kinh cửu khác nhau. do nghiệp có ba: Là tạo thuận khởi nghiệp, thành trung bát. Tạo thuận sanh nghiệp thành sanh bát, tạo thuận hậu nghiệp thành thượng lưu. Do hoặc có ba: Hạ phẩm phiền não, trung bát hiện hành, Trung phẩm phiền não, sanh bát hiện hành, Thượng phẩm phiền não, thượng lưu hiện hành. do căn có ba phẩm: Trung bát thượng căn, sanh bát trung căn, thượng lưu hạ căn, trung bát sanh bát đều chia làm ba, chỉ do hoặc căn mà có khác nhau, chia làm ba thứ, không có ba, đồng sanh khởi nghiệp. Nếu sanh bát có ba thì đồng sanh nghiệp, cho nên chẳng phải nghiệp khác. Thượng lưu chia làm ba: Đều do nghiệp của hoặc căn mà có khác nhau, nghiệp có khác nhau là thuận hậu nghiệp mà có khác nhau. Toàn siêu nghiệp và bán siêu nghiệp, biến một nghiệp. Chín thứ bất hoàn này do hoặc căn mà khác, suy nghĩ sẽ biết.

5. Nói về bảy đường thiện sĩ:

Dưới đây là thứ ba nói về bảy đường Thiện sĩ, luận chép: Nếu thế thì vì sao trong các kệ kinh Phật chỉ nói có bảy đường thiện sĩ. Tụng rằng:

*Lập bảy đường thiện sĩ
Thiện ác hành bất hành
Do Thượng lưu không khác
Có đi không trở lại.*

Giải thích: Trung sanh đều có ba, thượng lưu là một, kinh y theo đây mà lập bảy đường thiện sĩ. Thượng lưu một: đồng với thượng hành, tổng hợp lập thành một. Hỏi: Vì sao phải có hai quả này, không lập tên bảy đường thiện sĩ? Đáp: Đường là hành nghi, chỉ có bảy thứ này, đều

thực hành thiện nghiệp, không làm nghiệp ác, phải có hai quả này thiện ác thực hành lẫn lộn. Lại bảy thứ này đều đến cõi trên, không còn trở lại phải có hai quả này, đi mà trở lại, chỉ có bảy dứt này lập tên đường thiện sĩ. Dưới đây là thứ tư nói về chẳng sanh lên cõi trên. Luận chép:

6. Nói về chẳng sanh lên cõi trên:

Ở các giai vị Thánh từng trải qua các đời cũng có sự khác nhau này, là không đúng vì sao?

Tụng rằng:

*Qua cõi Dục sinh Thánh
Không sinh đến cõi khác
Đây và sinh cõi trên (cõi Sắc, cõi Vô Sắc)
Không luyện căn và thối.*

Giải thích: nếu ở Thánh vị trải qua sinh cõi Dục, nhằm chán sinh vào cõi Dục, tâm nhằm chán khổ mạnh mẽ, chắc chắn không sinh cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Chứng Bất hoàn rồi, chắc chắn ở thân hiện tại, nhập Niết-bàn. Nếu ở cõi Sắc, trải qua sinh lên bậc Thánh có nghĩa là sinh lên cõi Vô Sắc. Cõi Sắc không có khổ, tâm nhằm chán yếu đi, có thể sinh lên các tầng trời Vô Sắc. Ở đây trải qua cõi Dục sinh quả Thánh và sinh lên các cõi trên (Sắc, Vô Sắc) sinh ra quả Thánh, chắc chắn không luyện căn và không lui sụt.

Hỏi: Vì sao trải qua sinh Thánh và ở cõi trên sinh quả Thánh, chắc chắn không luyện căn và lui sụt?

Đáp: Vì trải qua sinh Thánh, tu tập căn rất thành thực và đắc chỗ nương tựa tốt đẹp, vì vậy không có luyện căn và lui sụt.

7. Nói về tạp tu tịnh lự:

Từ phần thứ năm này, nói về tạp tu tịnh lự (định). Luận chép: trước nói thượng lưu tạp tu tịnh lự làm nhân có thể đến tầng trời sắc cứu cánh. Vậy trước phải tạp tu các tịnh lự nào? (Câu hỏi một) từ địa vị nào biết tạp tu tịnh lự thành tựu? (Câu hỏi hai) Lại vì sao phải tạp tu tịnh lự? (câu hỏi ba).

Tụng rằng:

*Trước tạp tu thứ tư
Thành do một niệm tạp
Vì thọ sinh hiện lạc
Và ngăn phiền não lui.*

Giải thích: Câu thứ nhất trả lời câu hỏi thứ nhất, câu tiếp theo trả lời câu hỏi thứ hai. Hai câu sau trả lời câu hỏi thứ ba. Trước tạp tu (thiền) thứ tư: Muốn tạp tu bốn tịnh lự, thì trước phải tạp tu tịnh lự thứ

tư, vì định thứ tư có công năng nhất.

Thành do một niệm tạp: tạp tu định thành do một niệm tạp. Nghĩa là A-la-hán, hoặc là bất hoàn. Người kia chắc chắn trước nhập tĩnh lực thứ tư, nhiều niệm vô lậu, hiện ra nối tiếp, từ đây dẫn đến sinh nhiều niệm hữu lậu, sau lại nhiều niệm, vô lậu hiện ra, trở lại như vậy, sau đó dần dần giảm cho đến cuối cùng. Hai niệm vô lậu tiếp theo dẫn đến hai niệm hữu lậu, hiện ra Vô gián, sau sinh hai niệm vô lậu, gọi là tạp tu định, gia hạnh thành tựu tròn đầy. Kế đến lại chỉ có một niệm vô lậu, dẫn đến khởi lên một niệm hữu lậu, Vô gián sau sinh một niệm vô lậu; trung gian hữu lậu, trước và sau vô lậu, vì xen hở lẫn lộn nhau nên gọi là tạp tu ba tĩnh lực sau. Tạp tu tĩnh lực gồm có ba duyên: 1. Thọ sinh: sinh lên tầng trời Tịnh Cư; 2. Hiện lạc: thọ pháp lạc; 3. ngăn dứt khởi phiền não, lui sụt, nếu bất hoàn tụ thì do ba duyên trước, nếu A-la-hán tu thì trừ thọ sinh hai.

8. Nói Tĩnh lực chỉ có năm:

Từ phần thứ sáu này, nói Tịnh cư chỉ có năm: Luận chép: Vì sao ở Tịnh cư chỉ có năm?

Tụng rằng:

*Do tạp tu năm phẩm
Sinh lên năm Tịnh cư.*

Giải thích: do tạp tu Tĩnh lực thứ tư có năm phẩm. Tịnh cư chỉ có năm: 1. Hạ phẩm; 2. Trung phẩm; 3. Thượng phẩm; 4. Thượng thắng phẩm; 5. Thượng cực phẩm. Sơ phẩm có ba đó là ba tâm, đầu tiên khởi một vô lậu, kế khởi một hữu lậu, sau khởi một vô lậu. Phẩm thứ hai có sáu: đó là ba tâm và ba trước thành sáu tâm. Phẩm thứ ba có chín: đó là ba tâm và sáu tâm trước là chín. Phẩm thứ bốn có mười hai: đó là ba tâm và chín tâm trước thành mười hai. phẩm thứ năm có mười lăm lại khởi ba tâm và mười hai tâm trước thành mười lăm tâm. Năm tâm ấy như thứ lớp của nó chiêu cảm năm Tịnh cư. Nên biết trong đây, sức mạnh vô lậu, huân tu hữu lậu khiến cảm ứng trời tịnh cư, Vô lậu chẳng thể cảm ứng trời Tịnh cư.

Nói về thân chứng Bất hoàn:

Từ phần thứ bảy này, nói thân chứng Bất Hoàn. Luận chép: đã nói Bất hoàn cũng gọi là thân chứng. Dựa vào công đức cao quý gì mà gọi là thân chứng?

Tụng chép:

*Đắc diệt định, bất hoàn
Chuyển gọi là thân chứng.*

Giải thích: nếu quả bất hoàn tu đặc diệt định, chuyển gọi là thân chứng. Diệt định vô tầm do thân chứng đặc, nên gọi là thân chứng. Lại nữa đức Phật dạy: ruộng phước có hai đó là mười tám hữu học và chín Vô học.

Giải thích: nói mười tám hữu học: Trong Hữu học có bốn hướng ba quả là bảy, và tùy pháp hành, Tùy tín hành, Tín giải, Kiến chí, Gia gia, Nhất gián, năm thứ Na-hàm, nên thành mười tám. Chín Vô học: 1. Thối pháp; 2. Hộ pháp; 3. Tư pháp; 4. An trú pháp; 5. Kham đạt; 6. Bất động; 7. Bất hoàn; 8. Tuệ giải thoát; 9. Câu giải thoát.

Hỏi: Vì sao thân chứng không có trong số này?

Đáp: Ba học vô lậu là nhân của quả Thánh, trạch diệt Niết-bàn là quả của bậc Thánh. Diệt định hữu lậu không phải là y nhân. Vì y nhân không có nên không xếp vào số này.

9. Nói về hướng A-la-hán, quả A-la-hán:

Từ phần thứ tư này, nói về hướng A-la-hán hướng, quả A-la-hán. Trong đó có năm: 1. Nói về sự khác nhau giữa hướng và quả; 2. Nhân luận nói về trị đạo; 3. Nói về tận trí hậu trí; 4. Nói về đạo quả; 5. Nói về sáu thứ tánh.

- Nói về hướng quả. Luận chép: đã nói về sự khác nhau giữa hướng và quả thứ ba, kế là nên lập ra hướng và quả thứ tư.

Tụng rằng:

*Trong tu hoặc cõi trên
Dứt một phẩm Sơ định
Đến tám phẩm Hữu Đảnh
Đều hướng A-la-hán
Đạo Vô gián thứ chín
Gọi định Kim Cương Dự
Đều đặc trí câu tận
Thành ứng quả Vô học.*

Giải thích: Người chứng quả Bất hoàn rồi, từ dứt một phẩm sơ định là đầu tiên, đến dứt tám phẩm Hữu Đảnh là sau cùng, gọi là hướng A-la-hán đến quả A-la-hán. Tức là trong hướng này dứt phẩm hoặc thứ chín của trời Hữu Đảnh. Đạo Vô gián gọi là định kim cương dự. Định này có công năng phá tất cả phiền não, giống như kim cương có thể đâm lủng tất cả, nên gọi là định kim cương dự. Định tuy có sức mạnh phá được tất cả, các hoặc khác trước đã dứt, nên nay chỉ dứt phẩm hoặc thứ chín. Định này sẽ dứt phẩm hoặc thứ chín của hữu đảnh địa có thể dẫn hoặc này tận đặc câu hành tận trí làm cho sanh khởi. Tận trí này

chính là đạo giải thoát. Đạo giải thoát này và lậu tận đắc là câu sinh đầu tiên nên gọi là tận trí. Bài tụng nói tận đắc câu: Tức là lậu tận đắc, đều gọi là tận trí. Tận trí sinh rồi lại thành quả Vô học. Vì Vô học cũng gọi là ứng. Nghĩa là A-la-hán. Hán dịch là Ứng. Ứng là xứng đáng được thọ dụng sự cúng dường lớn lao của trời, người.

10. Do luận mà nói về đạo đối trị:

Từ phần thứ hai này, nhân luận mà nói về đạo đối trị. Trong đây có năm phần: 1. Nói địa do đạo xa lìa nhiễm ô; 2. Nói đạo đưa đến đắc lìa buộc; 3. Nói về Đạo ly địa thông cục; 4. Nói về đạo cận phần; 5. Nói về duyên hành của đạo thế gian.

- Nói địa do đạo xa lìa nhiễm ô: Luận chép: Do đạo gì lìa nhiễm ô của địa nào?

Tụng rằng:

*Hữu Đảnh do vô lậu
Còn do hai lìa nhiễm.*

Giải thích: Hữu Đảnh do vô lậu: Dứt ô nhiễm của Hữu Đảnh chỉ có đạo vô lậu chẳng phải đạo hữu lậu. Vì đạo hữu lậu thích trên chán dưới. Đối với cõi Hữu Đảnh không có trên thì thích, cho nên đạo hữu lậu không dứt Hữu Đảnh. Còn do hai lìa nhiễm: Dư: là tám địa còn lại, lìa nhiễm ô của tám địa, vì hai đạo là đạo hữu lậu, đạo vô lậu đều có thể xa lìa.

11. Nói về đạo đưa đến được lìa trói buộc:

Từ phần thứ hai này, nói về đạo đưa đến được lìa buộc. Luận chép: đã do hai đạo hữu lậu, vô lậu xa lìa nhiễm ô của tám địa, vậy mỗi thứ có bao nhiêu loại đắc ly hệ?

Tụng rằng:

*Thánh hai lìa tám tu
Đều hai lìa hệ đắc.*

Giải thích: các bậc Thánh Hữu học nhờ hai đạo hữu lậu vô lậu xa lìa tu dứt nhiễm ô của tám địa mỗi thứ có thể dẫn đến đắc hai lìa buộc. Nghĩa là đạo hữu lậu dứt tu của tám địa có khả năng dẫn đến đắc hai lìa buộc của hữu lậu và vô lậu. Đắc hai lìa buộc này do hai đạo cùng tạo ra, nên mỗi thứ đưa đến đắc hai lìa buộc. Hai đạo này cùng dứt tu nhiễm gọi là cùng tạo tác.

12. Nói về đạo lìa nhiễm thông cục:

Từ phần thứ ba này, nói về đạo lìa nhiễm thông cục. Luận chép: do đạo địa nào lìa nhiễm địa nào?

Tụng rằng:

*Đạo vị chí Vô lậu
Lìa được tất cả địa
Còn Tám lìa tự thượng
Hữu lậu lìa kế dưới.*

Giải thích: Đạo Vị Chí Vô lậu lìa được tất cả địa: nghĩa là định Vị Chí, khởi đạo vô lậu, dứt được chín địa. Nói tất cả tám địa còn lại là tự thượng: Tám địa còn lại là trung gian, bốn tĩnh lực gốc và ba Vô Sắc, đối với tám địa này, khởi đạo vô lậu có thể lìa tự địa và nhiễm ô của địa trên: nghĩa là các đạo hữu lậu chỉ có khả năng lìa nhiễm sau một địa tiếp theo. Đó là do dựa vào Vị Chí lìa nhiễm cõi Dục và dựa vào Nhị thiên lìa nhiễm của Sơ thiên, cho đến Hữu đánh lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, gọi là địa kế dưới. Không dứt nhiễm của địa trên vì thế lực kém không dứt tự nhiễm vì phiền não của tự địa là tùy tăng, lại không dứt nhiễm của địa dưới vì đã lìa.

13. Nói về đạo Cận phần:

Từ phần thứ tư này, nói về đạo cận phần. Luận chép: các pháp dựa vào cận phần lìa nhiễm địa dưới, như đạo Vô gián đều thuộc cận phần. Các đạo giải thoát cũng thuộc cận phần hay không là? (hỏi) Không đúng là! (đáp). Vì sao? Là (Nêu).

Tụng:

*Cận phần lìa nhiễm dưới.
Đầu, ba, sau giải thoát
Căn bản hoặc cận phần
Địa trên chỉ căn bản.*

Giải thích: Cận phần lìa nhiễm địa dưới, cận phần có tám: Bốn bên tĩnh lực, bốn bên Vô Sắc. Bên là cận phần, vì gần căn bản. Cận phần sơ thiên là lìa nhiễm ô cõi Dục, như thế cho đến cận phần Hữu đánh lìa nhiễm ô của Vô sở hữu xứ, gọi là lìa nhiễm ô của địa dưới. Đầu ba, sau giải thoát: đầu ba: là Sơ thiên, Nhị thiên, Thiên thứ ba. Sau giải thoát: nghĩa là giải thoát phẩm thứ chín. Ba cận phần này giải thoát phẩm thứ chín hoặc nhập căn bản, hoặc tại cận phần địa trên chỉ có căn bản: từ bốn thiên đến Hữu Đánh gọi là địa trên, năm địa cận phần này đạo giải thoát thứ chín chắc chắn nhập căn bản. Cho đến chỉ nói: Là năm địa này cận phần căn bản cùng một xả thọ, lúc lìa nhiễm ô địa dưới chắc chắn ưa thích địa trên, vì thọ không khác chắc chắn nhập vào căn bản. Ba tĩnh lực trước, căn bản hỷ lạc cận phần chỉ có xả chuyển nhập vào thọ khác, ít khó khăn, có khi không thể nhập. Từ phần thứ năm này, nói duyên hành của đạo thế gian. Luận chép: đạo thế gian duyên vào đâu?

Có hành tướng như thế nào?

14. Nói về duyên hành của đạo thế gian:

Tụng chép:

*Vô gián và giải thoát
Thứ lớp duyên trên dưới
Thực hành chướng khổ thô
Và ba: tịnh, diệu, ly.*

Giải thích: Thế là đạo hữu lậu. Đạo Vô gián hữu lậu duyên với cảnh địa dưới, đạo giải thoát hữu lậu duyên với cảnh địa trên. Nếu trong đạo Vô gián duyên với pháp của địa dưới thành chướng của khổ thô. Ba thứ hành tướng, trong ba hành tướng, tùy theo đó mà khởi một hành tướng. Nếu đạo giải thoát duyên với pháp của địa trên thành ba thứ hành tướng diệu, tịnh, ly ở trong ba hành tướng, tùy theo đó mà khởi một hành tướng.

Không phải tĩnh tịnh gọi là thô, chẳng tốt đẹp gọi là khổ, chẳng xuất ly gọi là chướng, còn ba tướng tịnh, diệu, ly thì trái với đây nên biết.

15. Nói về tận trí, hậu trí:

Từ phần thứ ba này, nói tận trí hậu trí. Luận chép: Tận trí Vô gián có trí nào sinh?

Tụng chép:

*Sau bất động tận trí
Sẽ khởi trí vô sinh
Còn lại đều chánh kiến
Đây ứng quả đều có.*

Giải thích: Bất động là La-hán lợi căn. La-hán Bất động sau tận trí chắc chắn khởi trí vô sinh, vì không lui sụt. Còn lại đều chánh kiến: Dư: là năm thứ thối pháp v.v... La-hán độn căn sau Tận trí thì khởi Tận trí, hoặc sinh chánh kiến không có trí vô sinh, sau có thể lui sụt.

Hỏi: Chủng tánh bất động không có chánh kiến hay sao?

Đáp: tụng nói ở đây ứng quả đều có: Vô học chánh kiến, tất cả Vô học không phân biệt độn căn, lợi căn, tất cả đều có. Nghĩa là pháp bất động, sau trí vô sinh, thì khởi trí vô sinh, hoặc chỉ khởi chánh kiến.

Nói về đạo quả:

Từ phần thứ tư này, nói về đạo quả trong đó có năm: 1. Nói tánh quả Sa-môn; 2. Nói nhân duyên lập bốn quả Sa-môn; 3. nói riêng hai quả ở giữa; 4. Nói tên khác của quả Sa-môn; 5. Nói quả Sa-môn dựa vào thân

- Nói tánh quả Sa-môn: Luận chép: Thế nào gọi là tánh Sa-môn? (câu hỏi một) Thế quả này thế nào? (câu hỏi hai) Quả vị khác nhau gồm có mấy loại? (câu hỏi ba).

Tụng rằng:

*Tịnh đạo Tánh Sa-môn
Quả hữu vi, vô vi,
Đây có tám mươi chín
Đạo giải thoát và diệt.*

Giải thích: Câu thứ nhất trả lời câu hỏi thứ nhất, câu thứ hai trả lời câu hỏi thứ hai, hai câu sau trả lời câu hỏi thứ ba. Tịnh đạo là tánh Sa-môn: nghĩa là các đạo vô lậu gọi là tịnh đạo. Tịnh đạo này là tánh của Sa-môn. Người nhớ nghĩ đạo này gọi là Sa-môn. Sa-môn Hán dịch là Cần Tức. Nghĩa là đạo vô lậu, vì siêng năng dứt bỏ phiền não, quả hữu vi vô vi: là hữu vi vô vi là thể của quả Sa-môn. Quả hữu vi: Là đạo giải thoát. Quả vô vi: là trạch diệt, ở đây có tám mươi chín đạo giải thoát và diệt: Là nêu số: Ở đây tám mươi chín đạo Giải thoát là quả hữu vi, tám mươi chín phẩm sở chứng trạch diệt, là quả vô vi, nghĩa là dứt kiến hoặc có tám Vô gián tám đạo giải thoát, là tám nhãn tám trí, dứt tu hoặc của chín địa, có tám mươi một đạo Vô gián. Tám mươi một đạo giải thoát kiến tu hợp luận có tám mươi chín đạo Vô gián chỉ có tánh Sa-môn, tám mươi chín đạo giải thoát cũng gọi là quả Sa-môn, cũng gọi là tánh Sa-môn, bên nghĩa Dứt ác, gọi là tánh Sa-môn cùng với đạo Vô gián là quả đẳng lưu, vì gần gọi là quả Sa-môn. Mỗi mỗi trạch diệt chỉ là vô vi. Thể của quả Sa-môn là đạo Vô gián, giải thoát là tánh Sa-môn. Trạch diệt là sự chứng đắc của nó, gọi là quả Sa-môn, tức là quả lìa buộc sĩ dụng (không sanh sĩ dụng). Nên biết đạo Vô gián chỉ có tánh Sa-môn. Nếu là trạch diệt chỉ có tánh Sa-môn. Nếu đạo giải thoát thì vừa cả quả Sa-môn vừa quả Sa-môn.

16. Nói về nhân duyên lập bốn quả:

Từ phần thứ hai này, nói về nhân duyên lập bốn quả. Luận chép: nếu vậy Thế tôn vì sao không nói đủ. (là hỏi, vì sao Thế tôn chỉ nói bốn quả, không nói tám mươi chín quả Sa-môn?) Quả tuy có nhiều nhưng không nói.

Tụng rằng:

*Năm nhân lập bốn quả
Xả thắng đạo từng đắc
Dứt Tập đắc tám trí
Đốn tu mười sáu hành.*

Giải thích: Đầy đủ năm duyên Đức Phật lập bốn quả: 1. Xả đạo đã từng đắc: nghĩa là xả quả đắc trước hướng đến đạo. Nếu quả Dự lưu chỉ xả hướng đạo, ba quả còn lại xả chung hướng đạo và quả đạo ở trước; 2. Đắc thắng đạo: nghĩa là đắc bao gồm đạo thù thắng; 3. Tổng tập dứt: Dứt là vô vi. Nghĩa là gồm một đắc, đắc các đoạn, gọi là tổng tập đoạn. Nói một đắc: nghĩa là lúc đắc quả khởi một loại đắc cao quý, đắc các dứt bỏ trước, chẳng phải đắc; 4. Đắc tám trí: nghĩa là đắc bốn pháp, bốn thứ trí; năm đốn tu mười sáu hành: nghĩa là có thể đốn tu vô thường v.v... Đối với bốn quả vị đều đủ năm duyên, các giai vị khác không như vậy, nên Đức Phật không nói.

17. Nói về hai quả trung gian:

Từ phần thứ ba này, nói về hai quả trung gian. Luận chép: nếu chỉ có tịnh đạo là tánh của Sa-môn, sức mạnh của đạo hữu lậu đắc được hai quả, vì sao cũng gọi là quả Sa-môn?

Tụng rằng:

*Dứt sở đắc thế gian
Sở đắc tạp bậc Thánh
Vô lậu đắc giữ gìn
Cũng gọi quả Sa-môn.*

Giải thích: sở đắc do dứt bỏ của thế tục, sở đắc tạp loại của bậc Thánh. Nghĩa là đạo hữu lậu đắc quả Nhất lai, quả Bất hoàn, gọi là sở đắc do dứt bỏ của thế tục. Sở đắc do dứt bỏ của thế tục này và sở đắc do trạch diệt của thấy đạo ở trước, tương chung nhóm họp cho là thể của quả, gọi là sở đắc tạp loại của bậc Thánh cũng gọi là quả Sa-môn. Vì vô lậu được giữ gìn: lại hai quả trung gian, trạch diệt vô vi, lúc đạo thế gian chứng đắc có thể dẫn đến đắc lia buộc vô lậu. Có vô lậu được giữ gìn cũng gọi là quả Sa-môn.

18. Nói về tên khác của quả Sa-môn:

Từ phần thứ tư này, nói về tên khác của quả Sa-môn. Luận chép: Tánh của Sa-môn này có tên khác hay không?

Tụng nói:

*Đã nói tánh Sa-môn
Cũng gọi bà-la-môn
Cũng gọi là phạm luân
Do chân phạm xoay chuyển
Trong đó chỉ thấy đạo
Gọi đó là bánh xe pháp
Do mau giống bánh xe*

Hoặc có đủ cãm xe.

Giải thích: Tức là trước đã nói tánh Sa-môn chân chánh, cũng đã nói tánh bà la môn. Bà la môn: Hán dịch là Tịnh chí, vì xa lìa phiền não đồng nghĩa với Cần tức, cũng gọi là Phạm luân, là Phạm vương chân chánh. Vì sức mạnh xoay chuyển mà Phật tương ứng với phạm đức vô thượng. Vì vậy Thế tôn gọi là Phạm vương chân chánh. Phạm chính là thanh tịnh. Nhưng tánh Sa-môn có cả ba đạo kiến tu, Vô học. Trong đây chỉ gọi thấy đạo là bánh xe pháp. Nghĩa là các tướng đạo có các tướng như mau v.v... giống như (bánh xe) của thế gian nên được gọi là Bánh xe pháp. 1. Cho rằng đạo thấy đế vì thực hành nhanh chóng. Nói nhanh chóng là mười lăm sát-na; 2. Có lấy bỏ: nghĩa là bỏ đế trước, chấp đế sau; 3. Hàng phục tánh chưa thuần phục: nghĩa là do thấy đạo thấy được cái chưa thấy dứt được cái chưa dứt; 4. Trấn áp đã thuần phục. Nghĩa là đã thấy dứt không có mê mờ lưu sứt. Thấy đạo không lui sụt; 5. Trên dưới chuyển: nghĩa là quán khổ trên v.v... rồi quán khổ dưới v.v...

Hoặc vì có đủ cãm xe v.v... hoặc nói là hiển bày thuyết của tôn giả Diêu Âm. Tôn giả nói thấy đạo có cãm xe, bánh xe, vành xe giống như bánh xe thế gian. Đó là tám Thánh đạo. Chỉ ở thấy đạo chánh kiến, chánh tư duy, chánh cần, chánh niệm giống như cãm xe của thế gian. Bốn thứ chánh kiến v.v... dựa vào giới mà chuyển, nên gọi là cãm xe. Chánh ngữ chánh nghiệp chánh mạng giống như trục bánh xe của thế gian. Ba thứ: Như chánh ngữ v.v... lấy giới làm thể, giới là chánh kiến v.v... vì là sở y của các hạnh nên gọi là cốt (trục bánh xe). Chánh định giống như vành bánh xe, gồm có chánh kiến v.v... làm cho bánh xe không hư hoại, nên gọi là vành bánh xe.

Hỏi: Đâu biết bánh xe pháp chỉ là thấy đạo ư?

Đáp: Ngài Kiều trần na v.v... lúc thấy đạo sanh, địa thần thiên thần liền tuyên bố rằng: “Đức Thế tôn đã xoay bánh xe chánh pháp. Hỏi: Thế nào là ba lần xoay chuyển mười hai hành tướng? Đáp: Đây là khổ Thánh đế (nói về thấy đạo) đều này nên biết khắp (nói lên tu đạo) điều này nên biết khắp (nói lên đạo Vô học) đó gọi là ba lần xoay. Mỗi lần chuyển thì phát sinh riêng nhãn, trí minh giác. Giải thích: trong thấy đạo, pháp nhãn gọi là nhãn, pháp trí gọi là trí, loại nhãn gọi là Minh, loại trí gọi là Giác. Lại giải thích: quán thấy gọi là nhãn, quyết đoán gọi là Trí, soi rõ gọi là Minh, thức tĩnh gọi là giác. Giải thích này chung với ba đạo. Nói mười hai hành tướng: như trong khổ đế có ba xoay mười hai hành tướng: tập đế, diệt đế, đạo đế mỗi đế đều có ba xoay mười hai hành tướng. Thật ra gồm có mười hai xoay, bốn mươi tám hành tướng.

Vì số lượng giống nhau nên chỉ nói ba xoay mười hai hành tướng. Các luận sư tùy bà sát na đã nói như thế. Nếu theo kinh bộ bánh xe pháp chẳng phải chỉ có thấy đạo. Tức là ba xoay mười hai hành tướng này, tất cả pháp môn (giáo pháp) đều gọi là Bánh xe pháp.

Nói ba xoay là ba lần xoay. Nói mười hai hành tướng là ba lần xoay trải qua bốn Thánh đế. Nghĩa là nói đây là khổ, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo. (Đây là một lần chuyển bốn đế, gọi là thị tướng chuyển) điều này nên biết khắp, điều này đây nên dứt hẳn, đây nên tác chứng, đây nên tu tập. (Đây là lần thứ hai xoay bốn đế, đây gọi là khuyến tướng xoay. Điều này đã biết khắp, điều này đã dứt hẳn, điều này đã tác chứng, điều này đã tu tập, đó là lần thứ ba chuyển Bốn đế, đây gọi là Dẫn chứng chuyển, là pháp của đạo Vô học). Từ pháp môn này đối với nối tiếp khác, giúp cho hiểu nghĩa, ở đây y theo giáo mà gọi là pháp luận, đối với nối tiếp khác. Lúc thấy đạo sinh đã xoay đến đạo thứ nhất. Nên gọi là đã chuyển. Lý thật thì ba đạo đều là bánh xe pháp.

19. Nói quả Sa-môn dựa vào thân:

Từ phần thứ năm nói quả Sa-môn dựa vào thân. Luận chép: quả Sa-môn nào đăc dựa vào giới nào?

Tụng rằng:

*Ba y dục ba sau
Do trên không thấy đạo
Không nghe không duyên dưới
Không nhàm chán và kinh.*

Giải thích: Ba y dục ba sau (ba quả trước là người chứng quả, nương cõi Dục mà được gọi là ba y Dục, sau là A-la-hán, đăc ở cả ba cõi, gọi là ba sau.

Hỏi: hai quả trước vì chưa lìa dục, nên chẳng phải dựa vào cõi trên mà đăc, lý cũng đúng như vậy. Nếu vượt qua quả thứ ba thì trước phải lìa nhiễm ô cõi Dục. Vì sao không chấp nhận nương vào cõi trên mà được?

Đáp: Tụng nói do cõi trên không có thấy đạo. Nghĩa là người vượt qua chứng quả thứ ba chắc chắn nhập vào thấy đạo. Thân cõi Sắc, Vô Sắc không có thấy đạo, nên không vượt qua cõi trên chứng quả bất hoàn. Vô văn vô duyên cõi dưới: Đây là nói cõi Vô Sắc không có thấy đạo. Nghĩa là ở cõi Vô Sắc không có chánh văn (nghe đúng). Lại cõi Vô Sắc không duyên với cõi Dục, hễ nhập thấy đạo thì phải nghe giáo pháp và duyên với khổ của cõi Dục, cõi Vô Sắc không phải vậy, nên

không có thấy đạo, không nhàm chán và kinh: Không nhàm chán là nói cõi Sắc không có thấy đạo. Hễ nhập thấy đạo cần phải chán khổ, cõi Sắc không chán khổ vì chấp sự an vui của định. Và kinh: đây là giáo nghĩa chứng minh cõi trên không có thấy đạo. Kinh chép: có năm thứ bồ-đặc-già-la (năm thứ A-hàm) chỗ này thông đạt chỗ kia rất ráo. Giải thích: chỗ này: này là cõi Dục. Thông đạt: thấy đạo gọi là thông đạt, vì thông đạt đế (sự thật). Chỗ kia là cõi trên kia. Rất ráo: là ở chỗ kia đắc Niết-bàn. Kinh này không nói chỗ kia thông đạt, chỉ nói biết cõi trên không có thấy đạo.

